

## PHỤ LỤC

# PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA CỦA TỔ CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH ĐỐI VỚI CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NGOẠI GIAO

(Kèm theo Công văn số /CCTTHC ngày tháng năm 2010 của  
Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ)

### 1. Thủ tục Cấp hộ chiếu ngoại giao – B-BNG-075333-TT

#### 1.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Về đối tượng cấp hộ chiếu ngoại giao: Bổ quy định cấp hộ chiếu ngoại giao cho đối tượng “**tương đương**” cấp Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 136/2007/NĐ-CP

**Lý do:** Việc xác định đối tượng để cấp hộ chiếu ngoại giao hiện rất khó khăn vì chưa có tiêu chí thống nhất để xác định cấp tương đương Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng trong văn bản quy phạm pháp luật. Mặt khác, việc cấp hộ chiếu ngoại giao cho cấp Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng là sự mở rộng so với trước đây (Nghị định số 05/2000/NĐ-CP) và với thông lệ quốc tế, gây ảnh hưởng không tốt tới hình ảnh hộ chiếu ngoại giao của Việt Nam.

**Lý do:** Theo Nghị định 136/2007/NĐ-CP, con dưới 18 tuổi của cán bộ công chức được cử đi công tác ở nước ngoài được cấp Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ cho đến khi người con đó tròn 18 tuổi, tuy nhiên nếu thực hiện quy định tại khoản 2, Điều 5 của Nghị định thì khi đủ 14 tuổi, trẻ em đó sẽ phải làm thủ tục cấp đổi hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ. Việc này sẽ gây tốn kém và khó khăn khi phải làm lại các giấy tờ có liên quan đến số hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ cũ tại các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (thị thực, thẻ cư trú, thẻ ngân hàng...). Quy định này đã được điều chỉnh tại Thông tư số 02/2008/TT-BNG nhưng Nghị định số 136/2007/NĐ-CP chưa sửa đổi.

*Việc áp dụng khái niệm trẻ em cho đối tượng là con dưới 18 tuổi của cán bộ, công chức được cử đi công tác ở nước ngoài là chưa chính xác, vì từ tròn 17 tuổi đến tròn 18 tuổi đối với con gái thì là người trưởng thành, có quyền kết hôn. Cho nên vẫn dùng khái niệm con dưới 18 tuổi như quy định tại nghị định 136 đối với Thông tư số 02 là phù hợp.*

c) Bổ sung mẫu “Văn bản cử hoặc cho phép cán bộ công chức ra nước ngoài” để sử dụng thống nhất cho tất cả các cơ quan có thẩm quyền cử hoặc cho phép cán bộ, công chức ra nước ngoài.

**Lý do:** Thông tư 02/2008/TT-BNG quy định nội dung cần nêu trong văn bản cử hoặc cho phép cán bộ ra nước ngoài nhưng khi thực hiện văn bản của các cơ

quan vẫn không thống nhất, thiếu các yếu tố theo yêu cầu của cơ quan cấp hộ chiếu... dẫn đến tình trạng phải bổ sung thủ tục, mất nhiều thời gian, tốn kém chi phí đi lại.

d) Quy định Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ như sau:

- Thay thế mẫu Tờ khai hiện nay bằng mẫu Tờ khai chỉ phục vụ cho việc cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, trong đó bỏ các mục: nghề nghiệp, mục đích chuyến đi, số thứ tự, dự định xuất cảnh ngày, thời gian làm việc ở nước ngoài, số quyết định, họ tên người ký văn bản.

- Bỏ quy định xác nhận của Công an phường, xã nơi cư trú trên Tờ khai của người đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (đối với trẻ em đi theo hoặc người ngoài biên chế). Cơ quan quản lý hồ sơ của cán bộ cho phép vợ hoặc chồng, con được đi thăm, đi theo có thể xác nhận vào Tờ khai.

- Bổ sung quy định việc Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu không cần phải xác nhận trong trường hợp cơ quan cấp hộ chiếu đã biết rõ về người đề nghị cấp hộ chiếu như sau: *“Trong trường hợp người đề nghị nộp kèm theo hồ sơ hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ còn giá trị sử dụng mà không có sự thay đổi về cơ quan công tác cũng như cơ quan cấp hộ chiếu ngoại giao hoặc công vụ trước đó thì Tờ khai không cần phải có xác nhận của cơ quan chủ quản”*

#### **Lý do:**

- Yêu cầu đối với việc cấp, gia hạn, sửa đổi bổ sung hộ chiếu khác nhau do đó nên tách riêng từng mẫu Tờ khai để tránh tình trạng có những mục không hợp lý trong tờ khai và gây hiểu lầm.

- Trưởng công an phường, xã không có thẩm quyền xác nhận về việc đủ điều kiện xuất cảnh, nếu cần xác nhận nơi thường trú thì không cần thiết vì người đề nghị cấp hộ chiếu có thể xuất trình Hộ khẩu, Chứng minh thư nhân dân...

- Các trường hợp cơ quan cấp hộ chiếu biết rõ về người đề nghị cấp hộ chiếu là do các thông tin cần thiết về người đề nghị cấp hộ chiếu đã được lưu trong cơ sở dữ liệu của cơ quan cấp hộ chiếu trong lần cấp hộ chiếu trước đó. Nếu muốn xác định có sự thay đổi cơ quan công tác hay không thì căn cứ vào văn bản cử hoặc cho phép ra nước ngoài.

e) Về thành phần hồ sơ:

- Bỏ quy định xác nhận của người giám hộ và xuất trình quyết định công nhận giám hộ đối với trẻ em đi thăm, đi theo.

**Lý do:** Không có quy định cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ đối với trẻ em là người được giám hộ (chỉ cấp cho đối tượng là con đẻ, con nuôi)

g) Bổ sung quy định về việc hộ chiếu công vụ hoặc ngoại giao phải xuất trình là hộ chiếu đã được cấp trong thời hạn 8 năm (hộ chiếu có giá trị 5 năm và có được gia hạn 3 năm)

**Lý do:** Quy định về việc nộp hộ chiếu đã được cấp chưa rõ ràng nên gây khó khăn trong quá trình thực hiện. Người nộp hồ sơ không rõ phải nộp hộ chiếu đã được cấp loại còn giá trị hay hết giá trị.

h) Về thời hạn giải quyết:

- Thời hạn giải quyết đối với hồ sơ thông thường nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện là không quá 5 ngày làm việc (giữ nguyên).

- Thời hạn giải quyết đối với hồ sơ đã được chấp thuận khi khai báo trực tuyến qua internet là 1 ngày (có thể lấy trong ngày) hoặc từ 1 đến 5 ngày làm việc đối với đoàn có số lượng từ 50 người trở lên.

**Lý do:** Hồ sơ đã được chấp thuận khi đã khai báo qua Internet thì cơ quan cấp hộ chiếu đã có đầy đủ các yêu cầu, điều kiện cần thiết để cấp hộ chiếu, sau khi người đề nghị nộp hồ sơ bản chính để đối chiếu thì có thể cấp được hộ chiếu ngay trong ngày làm việc (trừ trường hợp nộp hồ sơ cho một đoàn có trên 50 người).

## 1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1 Mục III và khoản 2 Mục IV Thông tư số 02/2008/TT-BNG ngày 04/02/2008 của Bộ Ngoại giao

- Sửa đổi khoản 2 Điều 5, khoản 4 Điều 6 và khoản 1 Điều 14 Nghị định 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ

## **2. Thủ tục cấp hộ chiếu công vụ - B-BNG-075348-TT**

### 2.1. Nội dung đơn giản hoá

a). Áp dụng các nội dung sửa đổi, bổ sung như đã nêu tại các điểm từ b) đến h) của thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao trên đây.

**Lý do:** Về thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện và thời hạn giải quyết, việc cấp hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ là tương tự như nhau, chỉ khác nhau về đối tượng để được cấp hộ chiếu ngoại giao hay hộ chiếu công vụ.

b) Quy định rõ đối tượng được cấp hộ chiếu công vụ là công chức theo Luật Cán bộ, công chức 2008 và Nghị định 06/2010/NĐ-CP (bỏ đối tượng là viên chức).

**Lý do:**

- So sánh với các nước trên thế giới thì đối tượng cấp hộ chiếu công vụ của Việt Nam là tương đối rộng rãi. Thêm vào đó là việc quản lý sử dụng hộ chiếu công vụ chưa chặt chẽ nên có hiện tượng sử dụng hộ chiếu công vụ không đúng mục đích, do vậy có tình trạng các nước không coi trọng hộ chiếu công vụ của ta và hạn chế những ưu đãi cần thiết, ảnh hưởng đến mục đích cấp hộ chiếu công vụ.

- Hiện nay, Luật Cán bộ, công chức 2008 đã có hiệu lực từ 01/01/2010 nên phải áp dụng định nghĩa công chức theo Luật Cán bộ, công chức để đảm bảo sự thống nhất của các quy định pháp luật.

## 2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1 Điều 7 Nghị định 136/2007/NĐ-CP

- Bổ sung khoản 3 Điều 32 của Nghị định 136/2007/NĐ-CP

## **3. Cấp lại hộ chiếu ngoại giao do làm hỏng, mất - B-BNG-075359-TT**

### 3.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Áp dụng các nội dung đơn giản hóa như đối với thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao.

b) Quy định mẫu văn bản thông báo mất hộ chiếu và bổ sung quy định hộ chiếu ngoại giao bị mất phải thông báo cho các cơ quan chức năng là loại hộ chiếu được cấp trong thời hạn 8 năm và người ký văn bản là cấp có thẩm quyền (hoặc được ủy quyền) theo quy định tại Điều 32 Nghị định 136/2007/NĐ-CP.

**Lý do:** Người làm mất, làm hỏng hộ chiếu đã được cấp hiện rất lúng túng khi làm thủ tục xin cấp lại hộ chiếu vì không rõ loại hộ chiếu làm mất hỏng và nội dung yêu cầu của công văn thông báo mất hộ chiếu đối với cơ quan cấp hộ chiếu.

### 3.2. Kiến nghị thực thi

- Bổ sung khoản 2 Mục IV Thông tư 02/2008/TT-BNG

## **4. Thủ tục cấp lại hộ chiếu công vụ do làm hỏng, mất - B-BNG-075366-TT**

### 4.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Áp dụng các nội dung đơn giản hóa như đối với thủ tục cấp hộ chiếu công vụ.

b) Ban hành mẫu văn bản thông báo mất hộ chiếu và bổ sung quy định hộ chiếu công vụ bị mất phải thông báo cho các cơ quan chức năng là loại hộ chiếu được

cấp trong thời hạn 8 năm và người ký văn bản là cấp có thẩm quyền (hoặc được ủy quyền) theo quy định tại Điều 32 Nghị định 136/2007/NĐ-CP.

**Lý do:** Người làm mất, làm hỏng hộ chiếu đã được cấp rất lúng túng khi làm thủ tục xin cấp lại hộ chiếu vì không rõ loại hộ chiếu làm mất hỏng và nội dung yêu cầu của công văn thông báo mất hộ chiếu đối với cơ quan cấp hộ chiếu.

#### 4.2. Kiến nghị thực thi

- Bổ sung khoản 2 Mục IV Thông tư 02/2008/TT-BNG;

### **5. Gia hạn hộ chiếu ngoại giao- B-BNG-075370-TT**

#### 5.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Quy định điều kiện gia hạn hộ chiếu ngoại giao theo hướng: *“Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ còn giá trị sử dụng dưới 6 tháng thì người được cấp hộ chiếu có thể đề nghị gia hạn hộ chiếu. Hộ chiếu hết hạn thì phải làm thủ tục cấp hộ chiếu mới”*.

**Lý do:** Quy định về việc hộ chiếu ngoại giao phải còn giá trị trên 30 ngày mới được gia hạn là chưa hợp lý vì trên thực tế người có hộ chiếu không chủ động theo dõi thời hạn giá trị của hộ chiếu và trường hợp phải gia hạn là những trường hợp bất đắc dĩ (bị động hoặc phải xử lý khẩn cấp). Ngược lại, đối với hộ chiếu ngoại giao còn giá trị từ 6 tháng trở lên thì vẫn có thể sử dụng không nhất thiết phải gia hạn.

b) Bỏ Tờ khai đề nghị gia hạn hộ chiếu.

**Lý do:** Các thông tin cần biết để ghi vào Tờ khai đã có trong hộ chiếu và văn bản đề nghị gia hạn hộ chiếu.

#### 5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2.a Mục IV, Thông tư số 02/2008/TT-BNG

### **6. Gia hạn hộ chiếu công vụ - B-BNG-075373-TT**

#### 6.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Quy định điều kiện gia hạn hộ chiếu công vụ theo hướng: *“Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ còn giá trị sử dụng dưới 6 tháng thì người được cấp hộ chiếu có thể đề nghị gia hạn hộ chiếu. Hộ chiếu hết hạn thì phải làm thủ tục cấp hộ chiếu mới”*.

**Lý do:** Quy định về việc hộ chiếu công vụ phải còn giá trị trên 30 ngày mới được gia hạn là chưa hợp lý vì trên thực tế người có hộ chiếu không chủ động theo dõi thời hạn giá trị của hộ chiếu và trường hợp phải gia hạn là những trường hợp bất đắc dĩ (bị động hoặc phải xử lý khẩn cấp). Ngược lại, đối với hộ chiếu ngoại giao còn giá trị từ 6 tháng trở lên thì vẫn có thể sử dụng không nhất thiết phải gia hạn.

b) Bỏ Tờ khai đề nghị gia hạn hộ chiếu.

**Lý do:** Các thông tin cần biết để ghi vào Tờ khai đã có trong hộ chiếu và văn bản đề nghị gia hạn hộ chiếu.

## 6.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2.a Mục IV, Thông tư số 02/2008/TT-BNG

## **7. Bổ sung, sửa đổi hộ chiếu ngoại giao - B-BNG-075374-TT**

## **8. Bổ sung, sửa đổi hộ chiếu công vụ - B-BNG-075375-TT**

### 8.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Quy định mẫu Tờ khai đề nghị sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (bao gồm cả việc bổ sung trẻ em dưới 14 tuổi vào hộ chiếu). Nội dung Tờ khai chỉ bao gồm những thông tin thật cần thiết phục vụ cho công tác quản lý và lưu trữ hồ sơ, bỏ quy định phải có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp vì việc này đã được thể hiện qua văn bản đề nghị của cấp có thẩm quyền.

**Lý do:** Yêu cầu cung cấp thông tin cho cơ quan cấp hộ chiếu đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi hộ chiếu khác với khi đề nghị cấp hộ chiếu (để tránh nhầm lẫn thì không sử dụng chung mẫu Tờ khai như hiện nay).

b) Bỏ quy định xuất trình quyết định công nhận giám hộ (nếu có) đối với trẻ em đi thăm, đi theo.

**Lý do:** Không có quy định về việc cho phép trẻ em được giám hộ đi chung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ với người giám hộ (chỉ trường hợp là con đẻ hoặc con nuôi dưới 14 tuổi)

### 8.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2.b Mục IV, Thông tư số 02/2008/TT-BNG

## **9. Cấp công hàm để xin thị thực các nước - B-BNG-075376-TT**

### 9.1. Nội dung đơn giản hoá

Bổ sung quy định về trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết đối với việc cấp công hàm xin thị thực các nước trong Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 136/2007/ND-CP

**Lý do:** Thủ tục hành chính này chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật, hiện đang được thực hiện theo thói quen.

### 9.2. Kiến nghị thực thi

- Bổ sung Thông tư số 02/2008/TT-BNG

**10- Thủ tục hợp pháp hóa, Chứng nhận lãnh sự giấy tờ, tài liệu (trong nước) - B-BNG-075408-TT**

**11. Thủ tục hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự giấy tờ, tài liệu (nước ngoài) - B-BNG-078632-TT**

#### 11.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Thay thế thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư 01/1999/TT-BNG ngày 03/6/1999 của Bộ ngoại giao bằng thủ tục hành chính về Hợp pháp hóa và Chứng nhận lãnh sự ban hành kèm theo Nghị định của Chính phủ về Hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự theo các tiêu chí sau:

+ Phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam, tiếp cận với quy định pháp luật và thực tiễn quốc tế, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan liên quan, trình tự thủ tục rõ ràng.

+ Các mẫu đơn, tờ khai, yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính sẽ được nghiên cứu sửa đổi theo hướng đơn giản hóa và ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định của Bộ ngoại giao.

+ Bổ sung quy định về việc nhận giải quyết hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự và trả kết quả qua đường bưu điện.

+ Bổ quy định việc hợp pháp hóa bao hàm cả chứng thực về nội dung

#### **Lý do:**

- Giấy tờ, tài liệu của công dân dùng để sử dụng ở nước ngoài là rất lớn nhưng rất đa dạng và quy định hiện hành về hợp pháp hóa lãnh sự tại Thông tư 01/1999 không đáp ứng được nhu cầu, gây trở ngại cho cơ quan nhà nước và người dân thực hiện thủ tục hành chính này.

- Các cơ quan nhà nước không thực hiện đúng yêu cầu đối với giấy tờ tài liệu đề nghị được hợp pháp hóa, chúng nhận lãnh sự quy định tại Mục III của Thông tư 01/1999/TT-BNG nên người dân phải chờ đợi cơ quan thực hiện chứng nhận lãnh sự (Bộ Ngoại giao) tiến hành xác minh. Nghị định của Chính phủ sẽ tạo cơ sở pháp lý thực hiện việc xây dựng và phát triển quy trình chứng nhận chuỗi (chứng nhận qua 2 cấp).

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính cũng không đủ cơ sở để chứng nhận lãnh sự vì các cơ quan có thẩm quyền cấp các giấy tờ tài liệu cũng không thể giới thiệu đầy đủ con dấu, chữ ký qua các thời kỳ cho Bộ Ngoại giao.

- Việc bỏ quy định việc hợp pháp hóa bao hàm cả chứng thực về nội dung cho phù hợp thông lệ quốc tế cũng như năng lực của các cơ quan lãnh sự, hiện không có khả năng kiểm tra nội dung của văn bản, tài liệu.

b) Quy định rõ trong Nghị định của Chính phủ về Hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự các nội dung sau:

- Khái niệm về hợp pháp hóa lãnh sự như quy định trong khoản 8 điều 8 Luật CỐ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI số 33/2009/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2009 và có hiệu lực từ ngày 2/9/2009. *(Hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu của nước ngoài được cơ quan hoặc người có thẩm quyền của quốc gia tiếp nhận công chứng, chứng thực để giấy tờ, tài liệu đó được công nhận và sử dụng tại Việt Nam; chứng nhận lãnh sự giấy tờ, tài liệu được cơ quan hoặc người có thẩm quyền của Việt Nam công chứng, chứng thực để giấy tờ, tài liệu đó được công nhận và sử dụng tại quốc gia tiếp nhận).*

- Phân định trách nhiệm của cá nhân và cơ quan nhà nước đối với các loại giấy tờ, tài liệu được hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự: *“Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện việc hợp pháp hoá và chứng nhận lãnh sự trên cơ sở đối chiếu chữ ký, con dấu trên giấy tờ, tài liệu với mẫu chữ ký, con dấu của người và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và Việt Nam đã được chính thức thông báo và không chịu trách nhiệm về mục đích sử dụng của giấy tờ, tài liệu được hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự”*. Qua đó, bỏ yêu cầu xuất trình giấy ủy nhiệm đối với người làm thay và khai báo mục đích sử dụng giấy tờ tài liệu khi người dân có yêu cầu hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự.

- Cơ quan cấp giấy tờ, tài liệu cho công dân chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và thể thức phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

- Công dân được cấp giấy tờ, tài liệu chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng giấy tờ, tài liệu đề nghị hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự.

- Thay mẫu “Phiếu đề nghị” bằng mẫu “Tờ khai nộp hồ sơ hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự”. Nội dung mẫu Tờ khai chỉ cần nêu thông tin của người

nộp hồ sơ (họ tên, số CMND hoặc hộ chiếu, địa chỉ liên hệ) và số lượng, chủng loại giấy tờ nộp cho cơ quan thực hiện việc hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự.

- Quy định mẫu Tờ khai

- Bỏ yêu cầu điều kiện về việc giải thích hoặc xuất trình giấy tờ khác để chứng minh mục đích sử dụng của giấy tờ, tài liệu được hợp pháp hóa hoặc chứng nhận lãnh sự.

- Bỏ yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ tùy thân (chỉ cần xuất trình bản chính để đối chiếu với Tờ khai khi nộp hồ sơ)

- Sửa đổi quy định về mức thu lệ phí: áp dụng một mức lệ phí chung là 30.000 VND cho tất cả các mẫu hợp pháp hóa hay chứng nhận lãnh sự.

### **Lý do:**

- Trên thực tế, dù cơ quan thực hiện việc hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự có biết hay không biết mục đích sử dụng thì cũng không thể và cũng không có chức năng kiểm soát việc sử dụng những giấy tờ, tài liệu có đúng với quy định của pháp luật hay không.

- Cần có quy định trách nhiệm của cơ quan, cá nhân có liên quan về việc quản lý, sử dụng giấy tờ, tài liệu hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự. Qua đó cơ quan thực hiện hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự không cần quan tâm đến giấy tờ, tài liệu được nộp trực tiếp hay gián tiếp, tiến tới việc nhận và giải quyết hồ sơ hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự có thể thông qua bưu điện.

- “Phiếu đề nghị” hiện nay đã được sửa đổi nhiều so với mẫu ban hành kèm theo Thông tư 01/1999 nhưng không kèm theo văn bản quy phạm pháp luật. Nội dung các mục cần kê khai không có mục “đề nghị” hay “yêu cầu” như tên gọi “Phiếu đề nghị”, nhưng cũng không cần phải bổ sung mục này. Do đó đổi tên thành “Tờ khai nộp hồ sơ hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự” thì phù hợp hơn.

- Cơ quan chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa đều tiến hành xử lý tương đối giống nhau đối với việc chứng nhận lãnh sự hay hợp pháp hóa giấy tờ tài liệu. Thực chất việc áp dụng mức thu khác nhau như hiện nay là sự duy trì việc phân biệt giá giữa người Việt Nam và người nước ngoài đã lỗi thời.

### **11.2. Kiến nghị thực thi**

- Bãi bỏ Thông tư số 01/1999/TT-BNG của Bộ Ngoại giao

- Sửa đổi Mục I, Thông tư số 36/2004/TT-BTC của Bộ Tài chính

- Chính phủ ban hành Nghị định về chứng nhận và hợp pháp hóa lãnh sự, Bộ Ngoại giao ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

## **12. Cấp lại bản chính giấy khai sinh đã đăng ký tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mà sổ hộ tịch đã chuyển lưu tại Cục Lãnh sự - B-BNG-075432-TT**

### 12.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Pháp lý hóa thủ tục hành chính hiện nay bao gồm thành phần hồ sơ, trình tự, cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết và Tờ khai.

**Lý do:** Thủ tục cấp lại bản chính giấy khai sinh chưa được quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, trình tự, cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết và Tờ khai trong văn bản quy phạm pháp luật

b) Quy định về việc cấp lại bản chính giấy khai sinh qua đường bưu điện. Hồ sơ gửi qua đường bưu điện ngoài hồ sơ như nộp trực tiếp kèm theo lệ phí cấp giấy tờ theo quy định và lệ phí hoàn trả giấy tờ được cấp.

**Lý do:** Hiện nay việc cấp lại bản chính giấy khai sinh qua đường bưu điện gặp khó khăn vì chưa có hướng dẫn cụ thể nên cơ quan cấp giấy tờ thiếu cơ sở để giải quyết.

c) Quy định trong trường hợp Cục Lãnh sự chưa nhận được sổ gốc hộ tịch thì điện xác minh tại cơ quan đại diện để cấp lại bản chính giấy khai sinh cho công dân.

**Lý do:** Do điều kiện ở nước ngoài việc gửi sổ gốc về Cục Lãnh sự không được đầy đủ và thường xuyên nên có trường hợp Cục Lãnh sự nhận được yêu cầu của công dân nhưng chưa nhận được sổ hộ tịch của cơ quan đại diện gửi về. Do đó, trong văn bản pháp quy nên bổ sung quy định đối với trường hợp chưa nhận được sổ hộ tịch thì Cục Lãnh sự điện hỏi cơ quan đại diện ở nước ngoài để cấp lại giấy khai sinh cho công dân.

d) Quy định thời hạn xử lý: Trường hợp Cục Lãnh sự đã nhận được sổ hộ tịch gốc và giấy tờ hồ sơ đầy đủ hoặc đương sự còn bản sao giấy khai sinh thì không cần các giấy tờ khác và giải quyết ngay trong ngày; Trường hợp Cục Lãnh sự chưa nhận được sổ hộ tịch gốc thì thời hạn xử lý là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. Trường hợp người đến yêu cầu xuất trình giấy tờ chứng minh được mối quan hệ là bố mẹ, vợ chồng, con, anh chị em ruột thì không cần giấy uỷ quyền.

**Lý do:** Qua thực tiễn thực hiện thủ tục tại Cục Lãnh sự thì quy định trên đây là phù hợp.

## 12.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Mục IV của Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT-BTP-BNG

## **13. Thủ tục cấp bản sao giấy tờ hộ tịch đã đăng ký tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mà sổ hộ tịch đã chuyên lưu tại Cục Lãnh sự - B-BNG-044440-TT**

### 13.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Pháp lý hóa thủ tục hành chính hiện nay bao gồm thành phần hồ sơ, trình tự, cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết và Tờ khai (chỉ cần thiết trong trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu điện)

**Lý do:** Thủ tục cấp bản sao giấy tờ hộ tịch chưa được quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, trình tự, cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết và Tờ khai trong văn bản quy phạm pháp luật. Trong trường hợp hồ sơ gửi qua bưu điện Tờ khai kèm theo để cơ quan cấp giấy tờ không nhầm lẫn với hồ sơ về các vụ việc hộ tịch khác và đương sự không phải kèm theo đơn giải thích hoặc đề nghị.

b) Quy định về việc cấp bản sao giấy tờ hộ tịch qua đường bưu điện. Hồ sơ gửi qua đường bưu điện có thêm Tờ khai, lệ phí cấp giấy tờ theo quy định và lệ phí hoàn trả giấy tờ được cấp. Hướng dẫn cụ thể công dân tự ghi địa chỉ nơi nhận, dán tem và gửi kèm phong bì đỏ để cơ quan cấp giấy tờ gửi trả kết quả.

**Lý do:** Trên thực tế việc cấp lại bản sao giấy tờ hộ tịch qua đường bưu điện gặp khó khăn vì chưa có hướng dẫn cụ thể nên cơ quan cấp giấy tờ thiếu cơ sở để giải quyết.

c) Bổ sung quy định trong trường hợp Cục Lãnh sự chưa nhận được sổ gốc hộ tịch thì điện xác minh tại cơ quan đại diện để cấp bản sao giấy tờ hộ tịch cho công dân.

**Lý do:** Do điều kiện ở xa việc gửi sổ gốc về Cục Lãnh sự không được đầy đủ và thường xuyên nên có trường hợp Cục Lãnh sự nhận được yêu cầu của công dân nhưng chưa nhận được sổ hộ tịch của cơ quan đại diện gửi về.

d) Thời hạn xử lý: Trường hợp Cục Lãnh sự đã nhận được sổ hộ tịch gốc và giấy tờ hồ sơ đầy đủ thì giải quyết ngay trong ngày; Trường hợp Cục Lãnh sự chưa nhận được sổ hộ tịch gốc thì thời hạn xử lý là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

**Lý do:** Qua thực tiễn thực hiện thủ tục tại Cục Lãnh sự thì quy định trên đây là phù hợp.

### 13.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Mục IV của Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT-BTP-BNG

## **14. Cấp giấy xác nhận có gốc Việt Nam - B-BNG-084929-TT**

### 14.1. Nội dung đơn giản hoá

- Thay thế thủ tục cấp giấy xác nhận người gốc Việt Nam hiện nay bằng thủ tục cấp giấy xác nhận người gốc Việt Nam khác dựa trên văn bản quy phạm pháp luật thay thế Thông tư số 2461/2001/TT-BNG ngày 05/10/2001 của Bộ Ngoại giao.

- Thay thế các biểu mẫu kèm theo Thông tư 2461/2001/TT-BNG (phụ lục I, II và V)

#### **Lý do:**

- Mục đích của việc cấp Giấy xác nhận người gốc Việt Nam nêu trong Thông tư số 2461/2001/TT-BNG ngày 05/10/2001: *“Người mang giấy này được hưởng giá các loại dịch vụ, giá vé đi lại trên các loại phương tiện giao thông vận tải như áp dụng đối với người Việt Nam ở trong nước”* nhưng trên thực tế hiện nay giá các loại dịch vụ, giá vé đi lại không có sự phân biệt giữa người Việt Nam và người nước ngoài do đó *“Giấy xác nhận này không có giá trị thay thế các loại giấy tờ khác khi sử dụng ngoài mục đích đã ghi trong nội dung được cấp.”*

- Việc cấp giấy xác nhận người gốc Việt Nam để sử dụng vào mục đích khác (đăng ký kinh doanh, đầu tư...) thì cần được quy định trong một văn bản pháp luật khác.

### 14.2. Kiến nghị thực thi

- Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật để thay thế Thông tư số 2461/2001/TT-BNG ngày 05/10/2001 Hướng dẫn thực hiện Điều 1, Quyết định số 114/2001/QĐ-TTG ngày 31/7/2001 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 210/1999/QĐ-TTG ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối ngoại với người Việt Nam ở nước ngoài. Thông tư thay thế cần xác định rõ mục đích của việc cấp giấy xác nhận có gốc Việt Nam, trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, mẫu đơn, Tờ khai...

- Hiện nay Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT/BKH-BTP-BNG-BCA ngày 13/5/2005 hướng dẫn người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam đầu tư theo Nghị định 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước

(sửa đổi) số 03/1998/QH-10 đã hết hiệu lực, đề nghị các cơ quan liên quan không yêu cầu xuất trình Giấy xác nhận gốc Việt Nam trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, đầu tư ...

## **15. Thủ tục cấp giấy xác nhận ưu đãi cho người Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-095910-TT**

### 15.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bãi bỏ thủ tục hành chính này và các mẫu đơn, tờ khai, yêu cầu điều kiện kèm theo.

**Lý do:** Mục tiêu đặt ra đối với thủ tục hành chính này không cần thiết nữa vì:

- Mục đích dành cho người được cấp giấy xác nhận ưu đãi được hưởng giá các loại dịch vụ, giá vé đi lại trên các phương tiện giao thông như công dân trong nước. Tuy nhiên hiện nay không còn chế độ hai giá phân biệt giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài nên không cần thiết phải có giấy xác nhận này.

- Người Việt Nam định cư ở nước ngoài có thể xin cấp giấy miễn thị thực (có giá trị 5 năm) thuận tiện hơn việc xin giấy xác nhận ưu đãi (có giá trị 3 năm) để được hưởng miễn phí mỗi khi xin cấp thị thực.

### 15.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Thông tư số 2461/2001/TT-BNG ngày 05/10/2001 Hướng dẫn thực hiện Điều 1, Quyết định số 114/2001/QĐ-TTG ngày 31/7/2001 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 210/1999/QĐ-TTG ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối ngoại với người Việt Nam ở nước ngoài

## **16. Cấp hộ chiếu ngoại giao - B-BNG-076318-TT (ở nước ngoài)**

### 16.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Bổ sung, sửa đổi quy định về thành phần hồ sơ đối với người thuộc diện quy định tại điểm 1.a mục V của Thông tư 02/2008/TT-BNG: *“Cơ quan cử hoặc quyết định cho tiếp tục công tác ở nước ngoài của người đề nghị thuộc diện quy định tại điểm 1.a Mục V Thông tư này nộp văn bản đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm 3 Mục III Thông tư tại cơ quan đại diện hoặc thông qua Bộ ngoại giao để thông báo cho cơ quan đại diện”*.

**Lý do:** Quy định về việc người đề nghị thuộc diện quy định tại điểm 1.a Mục V của Thông tư 02/2008/TT-BNG nộp văn bản cử hoặc quyết định cho tiếp tục

công tác ở nước ngoài đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm 3 Mục III Thông tư là rất khó thực hiện vì:

+ Trường hợp bị mất, hỏng, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu, người đề nghị khó có thể mang theo văn bản có chữ ký trực tiếp ra nước ngoài để nộp cho cơ quan đại diện, nếu chờ trong nước gửi sang thì sẽ mất nhiều thời gian.

+ Cơ quan đại diện không có cơ sở để xác định tính xác thực của văn bản nên vẫn phải điện về trong nước xác minh (các cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm 1 Điều 32 Nghị định 136/2007/NĐ-CP và những người được ủy quyền chỉ giới thiệu mẫu chữ ký và con dấu cho các cơ quan cấp hộ chiếu của Bộ Ngoại giao ở trong nước)

+ Các trường hợp kéo dài nhiệm kỳ, thay đổi chức danh thì cơ quan đại diện căn cứ vào thông báo của Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Ngoại giao để cấp đổi hoặc gia hạn hộ chiếu.

b) Quy định mẫu Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở nước ngoài để phù hợp với mục đích yêu cầu của từng loại công việc (không chung với Tờ khai đề nghị cấp, gia hạn bổ sung, sửa đổi hộ chiếu hiện nay)

**Lý do:** Yêu cầu kê khai đối với việc cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi hộ chiếu khác nhau

c) Bổ phần xác nhận trong Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

**Lý do:**

- Đối với các đối tượng đủ điều kiện cấp hộ chiếu ngoại giao ở nước ngoài nếu thuộc cơ quan đại diện thì không cần thiết phải xác nhận vào Tờ khai. Nếu không thuộc cơ quan đại diện thì cũng không có cơ quan chủ quản ở nước ngoài để xác nhận.

- Việc xác nhận vào Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ đối với các trường hợp ngoài biên chế chính thức của cơ quan nhà nước thuộc đối tượng quy định tại khoản 11 Điều 6 hoặc khoản 4 Điều 7 Nghị định 136/2007/NĐ-CP thì cũng không thể có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan quản lý hồ sơ của họ hoặc của phường, xã nơi thường trú ở Việt Nam. Mặt khác theo quy định trong hồ sơ họ đã có thông báo của Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Ngoại giao. Nếu trẻ em sinh ra ở nước ngoài thì Cơ quan đại diện là người cấp giấy khai sinh và đã biết rõ về cha mẹ của trẻ em đó.

## 16.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm 1.a Mục V Thông tư 02/2008/TT-BNG

## 17. Cấp hộ chiếu công vụ B-BNG-076777-TT

### 17.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Bổ sung, sửa đổi quy định về thành phần hồ sơ đối với người thuộc diện quy định tại điểm 1.a mục V của Thông tư 02/2008/TT-BNG: *“Cơ quan cử hoặc quyết định cho tiếp tục công tác ở nước ngoài của người đề nghị thuộc diện quy định tại điểm 1.a Mục V Thông tư này nộp văn bản đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm 3 Mục III Thông tư cho cơ quan đại diện hoặc thông qua Bộ ngoại giao để thông báo cho cơ quan đại diện”*.

**Lý do:** Quy định về việc người đề nghị thuộc diện quy định tại điểm 1.a Mục V của Thông tư 02/2008/TT-BNG nộp văn bản cử hoặc quyết định cho tiếp tục công tác ở nước ngoài đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm 3 Mục III Thông tư là rất khó thực hiện vì:

+ Trường hợp bị mất, hỏng, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu, người đề nghị khó có thể mang theo văn bản có chữ ký trực tiếp ra nước ngoài để nộp cho cơ quan đại diện, nếu chờ trong nước gửi sang thì sẽ mất nhiều thời gian.

+ Cơ quan đại diện không có cơ sở để xác định tính xác thực của văn bản nên vẫn phải điện về trong nước xác minh (các cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm 1 Điều 32 Nghị định 136/2007/ND-CP và những người được ủy quyền chỉ giới thiệu mẫu chữ ký và con dấu cho các cơ quan cấp hộ chiếu của Bộ Ngoại giao ở trong nước)

+ Các trường hợp kéo dài nhiệm kỳ, thay đổi chức danh thì cơ quan đại diện căn cứ vào thông báo của Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Ngoại giao để cấp đổi hoặc gia hạn hộ chiếu.

b) Ban hành mẫu Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở nước ngoài để phù hợp với mục đích yêu cầu của từng loại công việc (không chung với Tờ khai đề nghị cấp, gia hạn bổ sung, sửa đổi hộ chiếu hiện nay)

**Lý do:** Yêu cầu kê khai đối với việc cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi hộ chiếu khác nhau

c) Bổ phần xác nhận trong Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

### **Lý do:**

- Đối với các đối tượng đủ điều kiện cấp hộ chiếu ngoại giao ở nước ngoài nếu thuộc cơ quan đại diện thì không cần thiết phải xác nhận vào Tờ khai. Nếu

không thuộc cơ quan đại diện thì cũng không có cơ quan chủ quản ở nước ngoài để xác nhận

- Việc xác nhận vào Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ đối với các trường hợp ngoài biên chế chính thức của cơ quan nhà nước thuộc đối tượng quy định tại khoản 11 Điều 6 hoặc khoản 4 Điều 7 Nghị định 136/2007/NĐ-CP thì cũng không thể có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan quản lý hồ sơ của họ hoặc của Phường, xã nơi thường trú ở Việt Nam. Mặt khác theo quy định trong hồ sơ họ đã có thông báo của Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Ngoại giao. Nếu trẻ em sinh ra ở nước ngoài thì Cơ quan đại diện là người cấp giấy khai sinh và đã biết rõ về cha mẹ của trẻ em đó.

### 17.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm 1.a Mục V Thông tư 02/2008/TT-BNG

## **18. Gia hạn hộ chiếu ngoại giao - B-BNG-076869-TT**

## **19. Gia hạn hộ chiếu công vụ - B-BNG-077362-TT**

### 19.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Bỏ quy định về việc hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ còn giá trị 30 ngày mới được gia hạn theo quy định mới như sau: *“Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ còn giá trị sử dụng dưới 6 tháng thì có thể đề nghị gia hạn hộ chiếu. Hộ chiếu hết hạn thì phải làm thủ tục cấp hộ chiếu mới”*.

**Lý do:** Quy định về việc hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ phải còn giá trị trên 30 ngày mới được gia hạn là chưa hợp lý vì trên thực tế những trường hợp phải gia hạn hộ chiếu là bị động (khi sử dụng mới biết sắp hết hạn hoặc phải xử lý khẩn cấp). Ngược lại, đối với hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ còn giá trị từ 6 tháng trở lên thì vẫn có thể sử dụng không nhất thiết phải gia hạn.

b) Bỏ Tờ khai đề nghị gia hạn hộ chiếu. Hồ sơ gia hạn hộ chiếu ngoại giao chỉ cần hộ chiếu còn giá trị kèm theo văn bản cử hoặc quyết định cho tiếp tục công tác ở nước ngoài đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm 3 Mục III Thông tư 02/2008/TT-BNG.

**Lý do:** Các thông tin cần thiết để điền vào Tờ khai đều đã có trong hộ chiếu và văn bản đề nghị gia hạn hộ chiếu nên không cần nộp tờ khai nữa.

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết trong 1 ngày trong trường hợp cơ quan đại diện không cần phải tiến hành xác minh.

**Lý do:** Trong trường hợp đương sự nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đại diện thấy không cần phải xác minh thì có thể giải quyết ngay vì công việc xử lý

không phức tạp và trên thực tế số lượng yêu cầu các trường hợp này cũng không nhiều

## 19.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 2.a mục IV của Thông tư 02/2008/TT-BNG

## **20. Thủ tục cấp lại hộ chiếu ngoại giao do làm hỏng, mất - B-BNG-077386-TT**

## **21. Thủ tục cấp lại hộ chiếu công vụ do làm hỏng, mất - B-BNG-077619-TT**

### 21.1. Nội dung đơn giản hoá

Áp dụng các nội dung đơn giản hóa tương tự như thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao ở nước ngoài.

- Trường hợp làm hỏng hộ chiếu mà vẫn còn hộ chiếu cũ thì căn cứ vào hộ chiếu cũ để cấp hộ chiếu mới. Trường hợp mất hộ chiếu thì phải có văn bản xác nhận mất hộ chiếu của cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại

**Lý do:** Các sửa đổi này làm cho thủ tục hành chính được quy định rõ ràng, dễ hiểu và thực hiện thống nhất trong tất cả các cơ quan.

### 21.2. Kiến nghị thực thi

Tương tự như thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao ở nước ngoài

## **22. Bổ sung, sửa đổi hộ chiếu ngoại giao - B-BNG-077658-TT**

## **23. Bổ sung, sửa đổi hộ chiếu công vụ - B-BNG-077699-TT**

### 23.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Quy định mẫu Tờ khai đề nghị sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (bao gồm cả việc bổ sung trẻ em dưới 14 tuổi vào hộ chiếu) không sử dụng chung như hiện nay. Nội dung Tờ khai chỉ nêu những thông tin thật cần thiết phục vụ cho công tác quản lý và lưu trữ hồ sơ, bỏ xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp.

**Lý do:** Những chi tiết trong tờ khai như bổ sung cái gì, bổ sung ai hoặc sửa đổi cái gì, phải do người đề nghị cam kết trong Tờ khai và trên cơ sở xuất trình các giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền như sao khai sinh, quyết định cải chính hộ tịch...cơ quan cấp hộ chiếu sẽ bổ sung vào hộ chiếu. Việc xác nhận của cơ quan

quản lý trực tiếp không cần thiết vì điều này đã được thể hiện trong văn bản đề nghị bổ sung, sửa đổi.

Yêu cầu cung cấp thông tin cho cơ quan cấp hộ chiếu đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi hộ chiếu khác với yêu cầu khi đề nghị cấp hộ chiếu.

b) Bổ quy định xuất trình quyết định công nhận giám hộ (nếu có) đối với trẻ em được bổ sung vào hộ chiếu của cha hoặc mẹ

**Lý do:** Không có quy định về việc cho phép trẻ em được giám hộ đi chung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ với người giám hộ (chỉ trường hợp là con đẻ hoặc con nuôi dưới 14 tuổi).

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết trong 1 ngày trong trường hợp cơ quan đại diện không cần phải tiến hành xác minh.

**Lý do:** Trong trường hợp đương sự nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đại diện thấy không cần phải xác minh thì có thể giải quyết ngay vì công việc xử lý không phức tạp và trên thực tế số lượng yêu cầu các trường hợp này cũng không nhiều.

## 2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Mục IV, Thông tư số 02/2008/TT-BNG

- Sửa đổi khoản 2 Mục VI, Thông tư số 02/2008/TT-BNG

## **24. Cấp hộ chiếu phổ thông lần đầu - B-BNG-077759-TT**

### 24.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Bổ sung quy định về việc sau thời hạn 45 ngày làm việc, nếu không nhận được thông báo của cơ quan chức năng trong nước thì thủ trưởng cơ quan đại diện có quyền quyết định cấp hay không cấp hộ chiếu cho người đề nghị.

**Lý do:** Để tránh tình trạng hồ sơ gửi về xin xác minh nhưng các cơ quan trong nước không có trả lời cho cơ quan đại diện theo đúng thời hạn quy định. Mặt khác, có trường hợp cơ quan đại diện là người nắm rõ về nhân thân của đề nghị cấp hộ chiếu có thể quyết định cấp hộ chiếu và thông báo cho cơ quan chức năng trong nước.

b) Mẫu Tờ khai phải được ban hành kèm theo Thông tư .

**Lý do:** Mặc dù mẫu Tờ khai do Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an ban hành theo quy định của Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT/BCA-

BNG ngày 06/10/2009 nhưng không phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

#### 24.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm 1.b Điều 2, Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT/BCA-BNG.
- Sửa đổi điểm 1.a và 1.b Điều 6, Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT/BCA-BNG.

### **25. Thủ tục cấp lại hộ chiếu phổ thông (do bị mất, bị hư hỏng, hết thời hạn sử dụng, tách trẻ em trong hộ chiếu của cha hoặc mẹ), hoặc hộ chiếu còn thời hạn nhưng có nhu cầu cấp đổi - B-BNG-078132-TT**

#### 25.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Rút ngắn thời hạn giải quyết đối với trường hợp phải xác minh theo hướng như sau: *“Trong trường hợp không đủ căn cứ để cấp lại hộ chiếu phải điện về nước để xác minh thì không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an”*.

**Lý do:** Trước khi chuyển hồ sơ để xác minh cơ quan đại diện đã xem xét hồ sơ và khi nhận được kết quả thông báo thì cơ quan đại diện có thể cấp hộ chiếu được ngay. Mặt khác người đề nghị cấp hộ chiếu đã mất một thời gian chờ xác minh. Do vậy, nên ưu tiên giải quyết sớm cho họ.

b) Bổ sung quy định về việc sau thời hạn 45 ngày làm việc, nếu không nhận được thông báo của cơ quan chức năng trong nước thì thủ trưởng cơ quan đại diện có quyền quyết định cấp hay không cấp hộ chiếu cho người đề nghị.

**Lý do:** Để tránh tình trạng hồ sơ gửi về xin xác minh nhưng các cơ quan trong nước không có trả lời cho cơ quan đại diện theo đúng thời hạn quy định. Mặt khác có trường hợp cơ quan đại diện là người nắm rõ về nhân thân của đề nghị cấp hộ chiếu có thể quyết định cấp hộ chiếu và thông báo cho cơ quan chức năng trong nước.

c) Bổ sung, sửa đổi quy định: Đối với trường hợp đề nghị cấp lại hộ chiếu thì đương sự nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đại diện và có thể nhận hộ chiếu qua bưu điện hoặc ủy quyền cho người khác đến nhận.

**Lý do:** Quy định đương sự trực tiếp nộp hồ sơ để Cơ quan cấp hộ chiếu đòi chiếu ảnh, giấy tờ tùy thân và chứng minh đương sự đang ở nước ngoài là cần thiết. Tuy nhiên, sau khi có kết quả cấp hộ chiếu thì có thể gửi trả qua bưu điện hoặc để người khác nhận thay theo sự ủy quyền của đương sự để tránh việc đương sự phải đi lại trong tình trạng không có hộ chiếu ở nước ngoài và gây tốn kém đối với trường hợp ở xa.

## 25.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 1 (điểm 1), Điều 2 (điểm 1.b, 2,3 và 4) của Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT/BCA-BNG

## **26. Thủ tục bổ sung, sửa đổi hộ chiếu phổ thông, hoặc bổ sung trẻ em dưới 14 tuổi vào hộ chiếu Việt Nam của cha hoặc mẹ - B-BNG-078166-TT**

### 26.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Rút ngắn thời hạn giải quyết đối với trường hợp phải xác minh, sửa lại trong quy định như sau: *“Trong trường hợp không đủ căn cứ để bổ sung, sửa đổi hộ chiếu phải xác minh thì không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của các cơ quan chức năng”*.

**Lý do:** Trước khi chuyển hồ sơ để xác minh cơ quan đại diện đã xem xét hồ sơ và khi nhận được kết quả thông báo thì cơ quan đại diện có thể cấp hộ chiếu được ngay. Mặt khác người đề nghị cấp hộ chiếu đã phải mất một thời gian chờ xác minh. Do vậy, nên ưu tiên giải quyết sớm cho họ.

b) Bổ sung quy định: Đối với trường hợp đề nghị bổ sung, sửa đổi hộ chiếu thì đương sự nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đại diện và có thể nhận hộ chiếu qua bưu điện hoặc ủy quyền cho người khác đến nhận.

**Lý do:** Cơ quan cấp hộ chiếu cần đương sự trực tiếp nộp hồ sơ để đối chiếu ảnh, giấy tờ tùy thân và chứng minh đương sự đang ở nước ngoài. Tuy nhiên, khi có kết quả bổ sung sửa đổi hộ chiếu thì có thể gửi trả qua bưu điện hoặc để người khác nhận thay theo sự ủy quyền của đương sự để tránh việc đương sự phải đi lại trong tình trạng không có hộ chiếu ở nước ngoài và tốn kém đối với trường hợp ở xa.

### 26.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm 1.b Điều 2, Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT/BCA-BNG

- Bổ sung điểm 2,3 và 4 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT/BCA-BNG

## **27. Thủ tục cấp giấy thông hành - B-BNG-078207-TT**

### 27.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Rút ngắn thời hạn giải quyết đối với trường hợp phải xác minh, sửa lại quy định như sau: *“Trong trường hợp không đủ căn cứ để cấp giấy thông hành phải tiến hành xác minh thì không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an”*.

**Lý do:** Trước khi chuyển hồ sơ để xác minh cơ quan đại diện đã xem xét hồ sơ và khi nhận được kết quả thông báo thì cơ quan đại diện có thể cấp hộ chiếu được ngay. Mặt khác người đề nghị cấp giấy thông hành đã phải trải qua thời gian chờ xác minh. Do vậy, nên ưu tiên giải quyết sớm cho họ.

b) Đề nghị bổ sung quy định trong Thông tư liên tịch: *“Hồ sơ cấp giấy thông hành cho đối tượng bị buộc phải về nước thì không cần Tờ khai đề nghị của đương sự”*

**Lý do:** Trong trường hợp cấp giấy thông hành cho đối tượng đặc biệt (phải về nước theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước ngoài hoặc mang tính chất cưỡng chế) thì đương sự không có mặt để khai hoặc không tự nguyện điền vào Tờ khai. Do đó, Tờ khai về chi tiết thân nhân có thể không do đương sự khai.

## 27.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm 1.b Điều 2, Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT/BCA-BNG

## **28. Thủ tục Cấp giấy miễn thị thực - B-BNG-078258-TT**

### 28.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bổ quy định người chưa được cấp hộ chiếu nước ngoài thì phải có giấy tờ thường trú do nước ngoài cấp.

#### **Lý do:**

- Giấy tờ thường trú do nước ngoài cấp không có giá trị thay hộ chiếu thì họ cũng không thể sử dụng để nhập xuất cảnh Việt Nam được.

- Người chưa được cấp hộ chiếu nước ngoài thì có thể là những người mang Thẻ tị nạn (hay còn gọi là pass 51 cũng là một loại giấy tờ cho phép thường trú tại nước sở tại). Nếu cấp giấy miễn thị thực cho đối tượng này thì khi họ sử dụng để nhập xuất cảnh Việt Nam sẽ trái với Công ước 1951, vi phạm Quy chế về người tị nạn và nếu bị nước sở tại phát hiện họ sẽ bị thu lại giấy tờ, mất quyền được cư trú hoặc có thể bị trục xuất.

### 28.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm 1 Điều 4 Quyết định 135/QĐ- TTg

- Sửa đổi điểm 4 Điều 3 Quyết định 135/QĐ- TTg

## **29. Thủ tục đăng ký công dân, cấp giấy xác nhận đã đăng ký công dân - B-BNG-078662-TT**

### 29.1. Nội dung đơn giản hoá

Thay thủ tục “Đăng ký công dân, cấp giấy xác nhận đã đăng ký công dân” hiện nay bằng thủ tục “Đăng ký công dân”:

- Hồ sơ đăng ký công dân bao gồm “Phiếu đăng ký công dân” và bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam.
- Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện
- Bãi bỏ mẫu Tờ khai, đơn, yêu cầu điều kiện để cấp giấy xác nhận đăng ký công dân.

### **Lý do:**

- Đăng ký công dân ở nước ngoài là cần thiết nhưng không cần phải cấp giấy xác nhận đã đăng ký công dân để làm bằng chứng có quốc tịch Việt Nam vì họ đã có giấy tờ chứng minh có quốc tịch hộ chiếu Việt Nam khi đăng ký công dân.
- Quy định công dân Việt Nam ở nước ngoài khi liên hệ với Cơ quan đại diện để giải quyết các vấn đề hộ tịch phải xuất trình giấy xác nhận đã đăng ký công dân sẽ gây phiền hà và dễ nảy sinh tiêu cực.

### 29.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thay thế “Quy định tạm thời về thủ tục đăng ký công dân Việt Nam ở nước ngoài (ban hành kèm theo Quyết định số 713/NG-QĐ ngày 17/5/1997 của Bộ trưởng Bộ ngoại giao)”.

## **30. Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài và có quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam - B-BNG-078679-TT**

### 30.1. Nội dung đơn giản hoá

- a) Quy định mẫu Tờ khai đăng ký khai sinh áp dụng cho công dân Việt Nam ở nước ngoài đăng ký tại cơ quan đại diện.

**Lý do:** Trong hồ sơ không có mẫu Tờ khai đăng ký khai sinh nên gây trở ngại về thủ tục cho cha mẹ đưa trẻ và cơ quan đại diện. Người đi đăng ký khai sinh thường phải tự làm đơn hoặc giấy cam đoan về việc đặt tên cho đứa trẻ vì:

- Tại một số nước bệnh viện, cơ sở y tế không cấp giấy chứng sinh trực tiếp cho cha hoặc mẹ của đứa trẻ mà chuyển thẳng đến cơ quan hộ tịch của địa phương làm giấy khai sinh. Giấy khai sinh của cơ quan hộ tịch nước ngoài cấp thường ghi thêm tên nước ngoài không đúng với tên Việt Nam của cha mẹ đứa trẻ đặt. Công dân Việt Nam sợ phiền phức hoặc do nhiều hạn chế thường không có phản ứng, khi đăng ký tại cơ quan đại diện mới đặt tên chính thức cho con. Do đó nếu không có Tờ khai mà căn cứ vào giấy chứng sinh (giấy khai sinh) của nước ngoài cấp thì sẽ không chính xác.

Trong trường hợp không có giấy chứng sinh thì phải có giấy cam đoan việc sinh và có người làm chứng.

- Trên thực tế giấy khai sinh có thể không do cha, mẹ trẻ em trực tiếp khai báo nên có thể không chính xác và có thay đổi sau khi đăng ký khai sinh. Do không có Tờ khai nên cơ quan hộ tịch không có cơ sở đối chiếu những chi tiết nhân thân của cha, mẹ đứa trẻ thống nhất với các giấy tờ được xuất trình (giấy chứng sinh, đăng ký kết hôn...) để ghi chính xác vào sổ hộ tịch và giấy khai sinh và lưu giữ bằng chứng về nguyện vọng của người đăng ký khai sinh cho đứa trẻ.

- Việc bổ sung thêm Tờ khai đăng ký khai sinh làm tăng thành phần hồ sơ nhưng lại là thuận lợi cho người đi đăng ký khai sinh thể hiện rõ nguyện vọng của mình và cũng tạo thuận lợi hơn cho cơ quan cấp giấy khai sinh.

b) Quy định mẫu Giấy thỏa thuận lựa chọn quốc tịch cho con trong trường hợp đứa trẻ có cha hoặc mẹ là người nước ngoài và Giấy thỏa thuận không cần có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

**Lý do:** Theo Quy định trường hợp trẻ sinh ra có bố hoặc mẹ là người nước ngoài thì hai vợ chồng phải có thỏa thuận bằng văn bản lựa chọn quốc tịch cho con. Nhưng khi thực hiện có khó khăn vì văn bản lựa chọn quốc tịch cho con không có mẫu thống nhất.

Việc ban hành mẫu Giấy thỏa thuận lựa chọn quốc tịch cho con nhằm thống nhất về giấy tờ, đồng thời tránh các tranh chấp phát sinh về sau.

c) Các mẫu Tờ khai, Giấy thỏa thuận lựa chọn quốc tịch bằng 2 thứ tiếng Việt và tiếng Anh.

**Lý do:** Trường hợp một bên cha hoặc mẹ không phải là người Việt Nam cũng dễ dàng thể hiện ý chí của mình.

d) Cần tham khảo thủ tục đăng ký khai sinh ở trong nước cho thống nhất. Những sửa đổi này làm cho thủ tục hành chính dễ thực hiện và thống nhất trong tất cả các cơ quan.

### 30.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP

### **31. Đăng ký khai sinh quá hạn cho người sinh ra ở nước ngoài và có quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam - B-BNG-076523-TT**

#### 31.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Quy định mẫu Tờ khai đăng ký khai sinh (chỉ sử dụng cho công dân Việt Nam ở nước ngoài đăng ký tại cơ quan đại diện).

Trong trường hợp không có giấy chứng sinh thì phải có giấy cam đoan việc sinh và có người làm chứng.

**Lý do:** Tương tự như thủ tục đăng ký khai sinh đúng hạn.

b) Quy định mẫu Giấy thỏa thuận lựa chọn quốc tịch cho con trong trường hợp đứa trẻ có cha hoặc mẹ là người nước ngoài. Giấy thỏa thuận không cần có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

**Lý do:** Khi đăng ký quá hạn cũng có trường hợp phải lựa chọn quốc tịch nếu có cha hoặc mẹ là người nước ngoài. Theo Quy định trường hợp trẻ sinh ra có bố hoặc mẹ là người nước ngoài thì hai vợ chồng phải có thỏa thuận bằng văn bản lựa chọn quốc tịch cho con. Nhưng khi thực hiện có khó khăn vì văn bản lựa chọn quốc tịch cho con không có mẫu thống nhất.

c) Bổ sung quy định về việc đăng ký khai sinh quá hạn đối với người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Luật Dân sự phải do đương sự trực tiếp tiến hành.

**Lý do:** Việc đăng ký khai sinh quá hạn thực hiện từ sau 60 ngày kể từ ngày sinh, nhưng không giới hạn về thời gian. Do đó, việc đi đăng ký quá hạn thay chỉ nên áp dụng đối với người không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Những người đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ phải trực tiếp đi đăng ký khai sinh quá hạn và chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

Các mẫu Tờ khai, Giấy thỏa thuận lựa chọn quốc tịch bằng 2 thứ tiếng Việt và tiếng Anh.

**Lý do:** Trường hợp một bên cha hoặc mẹ không phải là người Việt Nam cũng dễ dàng thể hiện ý chí của mình.

d) Cần tham khảo thủ tục đăng ký khai sinh ở trong nước cho thống nhất. Những sửa đổi này làm cho thủ tục hành chính dễ thực hiện và thống nhất trong tất cả các cơ quan.

### 31.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 45 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP, điểm 9 Mục II Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT-BTP-BNG.

## **32. Thủ tục đăng ký lại việc sinh cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài, mà việc hộ tịch đó trước đây đã được đăng ký tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài- B-BNG-076571-TT**

### 32.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Sửa đổi quy định về thời hạn giải quyết: Nếu đủ giấy tờ hợp lệ không phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày như đăng ký khai sinh lần đầu.

**Lý do:** Trường hợp không phải xác minh thì công việc xử lý, giải quyết của cơ quan đại diện cũng tương tự như đăng ký khai sinh lần đầu.

b) Sửa đổi, bổ sung Tờ khai: Bổ yêu cầu phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi đã đăng ký khai sinh trước đây trong mẫu Tờ khai.

**Lý do:** Yêu cầu phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi đã đăng ký khai sinh trước đây trong trường hợp nơi đăng ký lại không phải là nơi đăng ký ban đầu là không thực tế vì nếu đương sự có thể xin xác nhận được vào tờ khai thì họ cũng có thể thực hiện thủ tục đăng ký lại ở nơi đó. Mặt khác Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT/BTP-BNG quy định cơ quan đại diện chỉ làm thủ tục đăng ký lại trong trường hợp đương sự đã làm thủ tục đăng ký lần đầu tại chính cơ quan đại diện đó.

### 32.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 48 Nghị định 158/2005/NĐ-CP và Khoản 10 Mục II Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT/BTP-BNG

## **33. Thủ tục đăng ký lại việc tử cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài, mà việc hộ tịch đó trước đây đã được đăng ký tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-076676-TT**

### 33.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Sửa đổi quy định về thời hạn giải quyết: Nếu đủ giấy tờ hợp lệ không phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày như đăng ký việc tử lần đầu.

**Lý do:** Trường hợp không phải xác minh thì công việc xử lý, giải quyết của cơ quan đại diện cũng tương tự như đăng ký việc tử lần đầu.

b) Bỏ yêu cầu phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi đã đăng ký khai tử trước đây trong Tờ khai.

**Lý do:** Yêu cầu phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi đã đăng ký khai tử trước đây trong trường hợp nơi đăng ký lại không phải là nơi đăng ký ban đầu là không đúng vì Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT/BTP-BNG quy định cơ quan đại diện chỉ làm thủ tục đăng ký lại trong trường hợp đương sự đã làm thủ tục đăng ký lần đầu tại chính cơ quan đại diện đó.

### 33.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 48 Nghị định 158/2005/NĐ-CP và Khoản 10 Mục II Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT/BTP-BNG.

**34. Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài, mà việc hộ tịch đó trước đây đã được đăng ký tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-076724-TT**

#### 34.1. Nội dung đơn giản hoá

Bỏ yêu cầu phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây trong Tờ khai.

**Lý do:** Yêu cầu phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi đã đăng ký nuôi con nuôi trước đây không hợp lý vì Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT/BTP-BNG quy định cơ quan đại diện chỉ làm thủ tục đăng ký lại trong trường hợp đương sự đã làm thủ tục đăng ký lần đầu tại chính cơ quan đại diện đó.

#### 34.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 48 Nghị định 158/2005/NĐ-CP và Khoản 10 Mục II Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT/BTP-BNG

**35. Thủ tục đăng ký việc nhận cha, mẹ giữa người nhận đã thành niên và người được nhận là công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài - B-BNG-076757-TT**

#### 35.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Bổ sung, sửa đổi mẫu Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ : thêm mục các giấy tờ, tài liệu kèm theo để làm bằng chứng (nếu có) để cơ quan giải quyết biết được bằng chứng kèm theo là gì (có đồ vật không thể lưu cùng hồ sơ)

**Lý do:** Trong thành phần hồ sơ có yêu cầu người đề nghị nộp các giấy tờ, tài liệu, đồ vật hoặc các chứng cứ khác để chứng minh quan hệ cha, mẹ, con như thư từ, phim, ảnh, băng, đĩa hình, kết quả giám định về mặt y học...(nếu có). Do vậy, trong Tờ khai cũng nên có mục này để cơ quan chức năng biết được trong hồ sơ có những gì, giúp người xử lý có thêm các thông tin khẳng định mối quan hệ của người đăng ký tạo thuận lợi cho việc xem xét và lưu trữ hồ sơ.

b) Sửa đổi quy định về thời hạn giải quyết như sau: “Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 15 ngày làm việc”

**Lý do:** Trong trường hợp phải xác minh nên quy định rõ thời hạn xử lý là 15 ngày. Việc có quy định về thời hạn xác minh, cơ quan nhận hồ sơ có trách nhiệm thúc đẩy cơ quan xác minh trả lời đúng hạn, góp phần tạo thuận lợi hơn cho đương sự sẽ biết được thời hạn mình có thể nhận kết quả. Nếu quy định không quá 02 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xác minh là không rõ ràng về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.

### 35.2. Kiến nghị thực thi

- Bổ sung, sửa đổi Mẫu BTP-NG/HT-2007-CMC.2 (kèm theo văn bản pháp quy)

- Bổ sung, sửa đổi điểm 6, Mục II, Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT/BTP-BNG

## **36. Thủ tục đăng ký việc nhận cha, mẹ giữa người nhận chưa thành niên và người được nhận là công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài -B-BNG-076790-TT**

### 36.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Bổ sung thêm mục: Các giấy tờ, tài liệu kèm theo để làm bằng chứng (nếu có) để cơ quan giải quyết biết được bằng chứng kèm theo là gì (có đồ vật không thể lưu cùng hồ sơ) vào mẫu Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ

**Lý do:** Trong thành phần hồ sơ có yêu cầu người đề nghị nộp các giấy tờ, tài liệu, đồ vật hoặc các chứng cứ khác để chứng minh quan hệ cha, mẹ, con như thư từ, phim, ảnh, băng, đĩa hình, kết quả giám định về mặt y học...(nếu có). Do vậy, trong Tờ khai cũng nên có mục này để cơ quan chức năng biết được trong hồ sơ có những gì, tạo thuận lợi cho việc xem xét và lưu trữ hồ sơ.

b) Sửa đổi quy định về thời hạn giải quyết như sau: “Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 15 ngày làm việc”

**Lý do:** Trong trường hợp phải xác minh nên quy định rõ thời hạn xử lý là 15 ngày. Việc có quy định về thời hạn xác minh, cơ quan nhận hồ sơ có trách

nhệm thúc đẩy cơ quan xác minh trả lời đúng hạn, góp phần tạo thuận lợi hơn cho đương sự sẽ biết được thời hạn mình có thể nhận kết quả. Nếu quy định không quá 02 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xác minh là không rõ ràng về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.

### 36.2. Kiến nghị thực thi

- Bổ sung, sửa đổi Mẫu BTP-NG/HT-2007-CMC.2 (kèm theo văn bản pháp quy)
- Bổ sung, sửa đổi điểm 6, Mục II, Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT/BTP-BNG

## **37. Thủ tục đăng ký việc nhận con giữa người nhận và người được nhận là công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài - B-BNG-076963-TT**

### 37.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Sửa đổi và bổ sung quy định về việc nộp giấy khai sinh (bản chính hoặc bản sao) của người con: *“Giấy khai sinh (bản chính hoặc bản sao) của người con nếu đã làm thủ tục đăng ký khai sinh”*

**Lý do:** Quy định về việc nộp giấy khai sinh (bản chính hoặc bản sao) của người con là chưa rõ ràng vì có trường hợp người được nhận là con chưa đăng ký khai sinh.

b) Bổ sung thêm mục: Các giấy tờ, tài liệu kèm theo để làm bằng chứng (nếu có) để cơ quan giải quyết biết được bằng chứng kèm theo là gì (có đồ vật không thể lưu cùng hồ sơ) vào mẫu Tờ khai đăng ký nhận con

**Lý do:** Trong thành phần hồ sơ có yêu cầu người đề nghị nộp các giấy tờ, tài liệu, đồ vật hoặc các chứng cứ khác để chứng minh quan hệ cha, mẹ, con như thư từ, phim, ảnh, băng, đĩa hình, kết quả giám định về mặt y học...(nếu có). Do vậy, trong Tờ khai cũng nên có mục này để cơ quan chức năng biết được trong hồ sơ có những gì, tạo thuận lợi cho việc xem xét và lưu trữ hồ sơ.

c) Sửa đổi quy định về thời hạn giải quyết như sau: *“Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 15 ngày làm việc”*

**Lý do:** Trong trường hợp phải xác minh nên quy định rõ thời hạn xử lý là 15 ngày. Việc có quy định về thời hạn xác minh, cơ quan nhận hồ sơ có trách nhiệm thúc đẩy cơ quan xác minh trả lời đúng hạn, góp phần tạo thuận lợi hơn cho đương sự sẽ biết được thời hạn mình có thể nhận kết quả. Nếu quy định không quá 02 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xác minh là không rõ ràng về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.

### 37.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 34 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP
- Bổ sung, sửa đổi Mẫu BTP-NG/HT-2007-CMC.1 (kèm theo văn bản pháp quy)

### **38. Thủ tục đăng ký việc giám hộ giữa công dân Việt Nam với nhau cư trú ở nước ngoài, hoặc giữa công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài với người nước ngoài - B-BNG-077015-TT**

#### 38.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Sửa đổi quy định về thời hạn giải quyết như sau: “Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 15 ngày làm việc”

**Lý do:** Trong trường hợp phải xác minh nên quy định rõ thời hạn xử lý là 15 ngày. Việc có quy định về thời hạn xác minh, cơ quan nhận hồ sơ có trách nhiệm thúc đẩy cơ quan xác minh trả lời đúng hạn, góp phần tạo thuận lợi hơn cho đương sự sẽ biết được thời hạn mình có thể nhận kết quả. Nếu quy định không quá 02 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xác minh là không rõ ràng về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.

b) Sửa đổi mẫu Giấy cử người giám hộ: mục “Họ tên người cử giám hộ” thành “*Họ tên người cử giám hộ hoặc đại diện cho những người cử giám hộ:...*”.

**Lý do:** Trong trường hợp có nhiều người cùng cử một người làm giám hộ thì mẫu “Giấy cử người giám hộ” không có chỗ để người cử giám hộ thứ hai khai báo chi tiết nhân thân, nếu chỉ cần một người đại diện thì nên sửa lại.

#### 38.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 5, Mục I, Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT-BTP-BNG
- Sửa đổi bổ sung mẫu Giấy cử người giám hộ (Mẫu BTP-NG/HT-2007-GH.1)

### **39. Thủ tục cấp giấy phép nhập cảnh thi hài/di hài - B-BNG-077237-TT**

#### 39.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Quy định về việc cấp giấy phép nhập cảnh thi hài, di hài trong đó quy định cụ thể đối tượng được đưa thi hài/di hài vào Việt Nam, trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ như thủ tục hành chính đang thực hiện. Quy định cụ thể về việc thông báo ý kiến đồng ý của chính quyền địa phương nơi dự định chôn cất thi hài.

**Lý do:** Trên thực tế, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mình để tiến hành thực hiện thủ tục hành chính này vì nó cần thiết và hợp lý nhưng cho đến nay chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ.

Hiện tại các cơ quan đại diện ở nước ngoài thực hiện thủ tục hành chính này dựa trên chức năng nhiệm vụ của cơ quan đại diện, với tinh thần nhân đạo, tín ngưỡng... Vì chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định nên thường dựa vào ý kiến của địa phương trong nước để cấp giấy phép nhập cảnh, nhưng mỗi địa phương lại một cấp cho phép khác nhau, do vậy cần quy định thống nhất, cụ thể cấp phường/xã được cấp phép.

b) Bổ sung phần tiếng Anh của mẫu Đơn xin phép nhập cảnh thi hài/di hài (số 05/NG-LS)

**Lý do:** Thi hài/di hài của người mất thông thường là người Việt Nam (chưa có quy định đối tượng cụ thể), nhưng người đứng ra làm thủ tục có thể là thân nhân (có trường hợp sinh ra ở nước ngoài) hoặc bạn bè, các tổ chức từ thiện của nước sở tại không biết tiếng Việt. Do đó mẫu Đơn xin phép cần có hai thứ tiếng.

Các trường hợp nhạy cảm (người nước ngoài có nguyện vọng được đưa thi hài/tro về VN) do vậy bổ sung phần tiếng Anh (hoặc tiếng của sở tại) vào mẫu đơn là cần thiết, tạo thuận lợi cho các đối tượng làm thủ tục xin phép nhập cảnh.

c) Bổ sung Mẫu Đơn đề nghị cho phép đưa thi hài về chôn cất tại địa phương (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam) và hình thức thông báo cho cơ quan đại diện nhằm tạo thuận lợi cho người đề nghị.

**Lý do:** Hiện nay trong hồ sơ xin cấp phép nhập cảnh thi hài người đề nghị và cơ quan đại diện rất lúng túng với giấy tờ xác nhận của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam về việc cho phép chôn cất thi hài tại địa phương (thông thường thân nhân của người chết làm đơn trình bày và chính quyền địa phương hoặc Ban quản lý nghĩa trang xác nhận và gửi ra nước ngoài)

Việc bổ sung mẫu Đơn đề nghị cho phép đưa thi hài về chôn cất tại địa phương (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam) tuy làm tăng hồ sơ xin phép nhưng đáp ứng yêu cầu giải quyết sớm, vì đương sự có thể gửi hồ sơ xin phép cả trong nước và CQĐD, thông tin giữa trong và ngoài nước sẽ kịp thời hơn.

### 39.2. Kiến nghị thực thi

- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ... cấp giấy phép nhập cảnh thi hài/di hài.

- Bổ sung phần tiếng Anh của mẫu Đơn xin phép nhập cảnh thi hài/di hài (Mẫu số 05/NG-LS)

## **40. Thủ tục đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài với người nước ngoài - B-BNG-077280-TT**

### 40.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Bộ quy định phải công chứng bản sao hộ chiếu, giấy tờ thay hộ chiếu, hộ khẩu, giấy chứng nhận cư trú ... của người nước ngoài trong thành phần hồ sơ. Chỉ cần nộp bản sao hoặc bản chụp và xuất trình bản chính để đối chiếu là đủ.

**Lý do:** Quy định về việc nộp bản sao hộ chiếu, giấy tờ thay hộ chiếu, hộ khẩu, giấy chứng nhận cư trú có công chứng trong hồ sơ gây trở ngại tốn kém cho người dân và không cần thiết vì đã xuất trình bản chính để đối chiếu.

### 40.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 3 Điều 1, Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 của Chính phủ

## **41. Thủ tục cấp lại bản chính giấy khai sinh đã đăng ký khai sinh tại Cơ quan đại diện Việt Nam, mà sổ đăng ký sự kiện hộ tịch đó đang lưu tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-076539-TT**

### 41.1. Nội dung đơn giản hoá

Pháp lý hóa quy định về hồ sơ của thủ tục cấp lại bản chính giấy khai sinh (đang thực hiện) trong văn bản quy phạm pháp luật.

**Lý do:** Quy định về thành phần hồ sơ nêu trong thủ tục hành chính đang thực hiện là cần thiết và hợp lý nhưng chưa được quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật.

Thực tế sổ đăng ký sự kiện hộ tịch đang lưu tại cơ quan đại diện, việc tra cứu, cấp lại các giấy tờ về hộ tịch rất đơn giản, nếu đương sự còn bản sao giấy khai sinh thì cơ quan cấp lại bản chính ngay trong ngày.

Thành phần hồ sơ chỉ cần bản sao chứng minh nhân thân hoặc hộ chiếu, khi nộp hồ sơ cần xuất trình bản chính để đối chiếu.

Trường hợp uỷ quyền nếu đương sự chứng minh được mối quan hệ gia đình (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) với người uỷ quyền, thì không cần giấy uỷ quyền.

Việc pháp lý hoá quy định về hồ sơ; tham khảo thủ tục này ở trong nước sẽ làm cho thủ tục hành chính được dễ thực hiện thống nhất trong tất cả các cơ quan.

## 41.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 63 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP và

Khoản 2, Mục IV Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT/BTP-BNG

## **42. Thủ tục cấp bản sao giấy tờ hộ tịch cho công dân Việt Nam đã đăng ký tại Cơ quan đại diện Việt Nam, mà sổ đăng ký các sự kiện hộ tịch đó đang lưu tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-076568-TT**

### 42.1. Nội dung đơn giản hoá

- a) Sửa đổi, bổ sung quy định về hồ sơ của thủ tục cấp lại bản sao giấy tờ hộ tịch trong văn bản quy phạm pháp luật
- b) Ra văn bản quy phạm pháp luật ban hành mẫu Tờ khai đang thực hiện trên thực tế trong trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu điện.

### **Lý do:**

- Thủ tục hành chính đang thực hiện là cần thiết và hợp lý nhưng chưa được quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật kể cả mẫu Tờ khai
- Trong trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu điện nếu không có Tờ khai kèm theo thì có thể nhầm lẫn với việc bổ sung hồ sơ hay liên quan đến một thủ tục hành chính khác. Mặt khác Tờ khai có thể làm rõ những điểm mà giấy tờ hộ tịch cũ bị mờ hoặc bị nhàu nát không đọc được.
- Thực tế sổ đăng ký sự kiện hộ tịch đang lưu tại cơ quan đại diện, việc tra cứu, cấp lại các giấy tờ về hộ tịch là rất đơn giản, nếu đương sự còn bản chụp giấy tờ hộ tịch cũ thì cơ quan cấp lại bản sao ngay trong ngày.
- Thành phần hồ sơ chỉ cần bản sao chứng minh nhân thân hoặc hộ chiếu, khi nộp hồ sơ cần xuất trình bản chính để đối chiếu.
- Trường hợp uỷ quyền nếu đương sự chứng minh được mối quan hệ gia đình (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) với người uỷ quyền, thì không cần giấy uỷ quyền.
- Việc pháp lý hoá quy định về hồ sơ của thủ tục làm cho thủ tục hành chính được dễ thực hiện thống nhất trong tất cả các cơ quan.

## 42.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 60 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP và khoản 1, Mục IV Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT/BTP-BNG

- Ban hành mẫu Tờ khai đang thực hiện kèm theo văn bản quy phạm pháp luật

### **43. Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký tại các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-076618-TT**

#### 43.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Quy định mẫu Tờ khai đang thực hiện kèm theo văn bản quy phạm pháp luật

**Lý do:** Tờ khai đang thực hiện là cần thiết (để phân biệt với thủ tục đăng ký hộ tịch) nhưng chưa được ban hành kèm theo văn bản quy phạm pháp luật.

b) Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết, về việc cấp giấy tờ hộ tịch theo biểu mẫu của Việt Nam trong văn bản quy phạm pháp luật.

**Lý do:** Việc ghi vào sổ hộ tịch các việc công dân đã đăng ký tại các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài xảy ra khi công dân có yêu cầu về việc cấp giấy tờ hộ tịch theo biểu mẫu của Việt Nam. Nhưng trong văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định còn chưa rõ ràng nên việc thực hiện trên thực tế còn có khó khăn và dễ nhầm lẫn với thủ tục đăng ký hộ tịch.

#### 43.2. Kiến nghị thực thi

- Ban hành mẫu Tờ khai đang thực hiện kèm theo văn bản quy phạm pháp luật (Bổ sung Quyết định số 04/2007/QĐ-BTP ngày 13/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

- Bổ sung Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT/BTP-BNG

### **44. Thủ tục chứng thực Hợp đồng, di chúc, giấy uỷ quyền, các đoạn trích tài liệu, bản sao, bản chụp các giấy tờ tài liệu, bản dịch ở nước ngoài- B-BNG-076804-TT**

#### 44.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ Phiếu đề nghị trong thành phần hồ sơ

**Lý do:** Người có yêu cầu chứng thực đã xuất trình các giấy tờ tùy thân và ký trước mặt công chứng viên, hoặc xuất trình bản chính khi đề nghị chứng nhận bản sao. Do đó không cần thiết phải khai vào phiếu đề nghị.

#### 44.2. Kiến nghị thực thi

Mẫu “Phiếu đề nghị” hiện nay không được ban hành kèm theo văn bản quy phạm pháp luật nào, do đó các cơ quan thực hiện thủ tục hành chính này không được yêu cầu người dân phải nộp Phiếu này kèm theo hồ sơ.

## **45. Thủ tục hồi hương (đăng ký thường trú ở Việt Nam) - B-BNG-077719-TT**

### 45.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Bãi bỏ thủ tục hành chính này. Đối với người có quốc tịch Việt Nam và đủ điều kiện nhập cảnh thì nên cấp hộ chiếu Việt Nam để họ có thể về Việt Nam và tiến hành đăng ký thường trú tại cơ quan chức năng ở trong nước (nếu có nhu cầu).

#### **Lý do:**

- Sau khi chứng minh có quốc tịch Việt Nam, công dân muốn về thường trú ở Việt Nam có thể đề nghị cơ quan đại diện cấp hộ chiếu Việt Nam để họ về nước giải quyết các thủ tục khác liên quan đến việc nộp hồ sơ xin đăng ký thường trú.

- Quy định về thành phần hồ sơ để được đăng ký thường trú ở Việt Nam phần lớn do các cơ quan có thẩm quyền trong nước cấp (có nhà ở hợp pháp, có thân nhân bảo lãnh, có thời gian tạm trú...). Do vậy, họ có thể thực hiện việc đăng ký thường trú ở trong nước (theo quy định tại tiết b, điểm 1, Thông tư số 06/2007/TT-BCA-C11 ngày 01/7/2007 của Bộ Công an).

b) Đề nghị có biện pháp để người định cư ở nước ngoài sau khi được đăng ký thường trú ở Việt Nam được hưởng ưu đãi về thuế khi di chuyển tài sản mà không cần phải có Giấy thông hành hồi hương như hiện nay. Có thể áp dụng hình thức hoàn thuế sau khi họ được đăng ký thường trú ở trong nước.

**Lý do:** Trên thực tế những trường hợp nộp hồ sơ xin đăng ký thường trú ở Việt Nam tại cơ quan đại diện hiện nay phần lớn có liên quan đến việc được cấp giấy thông hành hồi hương để hưởng ưu đãi về thuế khi di chuyển tài sản.

### 45.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi hoặc bãi bỏ Thông tư liên tịch số 05 /2009/TTLT-BCA-BNG về việc hướng dẫn thủ tục giải quyết cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đăng ký thường trú ở Việt Nam

## **46. Thủ tục cấp giấy xác nhận người gốc Việt Nam - B-BNG-077738-TT**

### 46.1. Nội dung đơn giản hoá

Bãi bỏ thủ tục hành chính này và các mẫu đơn, tờ khai, yêu cầu điều kiện kèm theo.

**Lý do:**

- Mục đích của việc cấp Giấy xác nhận người gốc Việt Nam nêu trong Thông tư số 2461/2001/TT-BNG ngày 05/10/2001: “*Người mang giấy này được hưởng giá các loại dịch vụ, giá vé đi lại trên các loại phương tiện giao thông vận tải như áp dụng đối với người Việt Nam ở trong nước*” nhưng trên thực tế hiện nay giá các loại dịch vụ, giá vé đi lại không có sự phân biệt giữa người Việt Nam và người nước ngoài do đó “*Giấy xác nhận này không có giá trị thay thế các loại giấy tờ khác khi sử dụng ngoài mục đích đã ghi trong nội dung được cấp.*”

- Người Việt Nam định cư ở nước ngoài có thể xin cấp giấy miễn thị thực (có giá trị 5 năm) thuận tiện hơn việc xin giấy xác nhận người gốc Việt Nam (có giá trị 3 năm) để được hưởng miễn phí cấp thị thực

46.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Thông tư số 2461/2001/TT-BNG ngày 05/10/2001 Hướng dẫn thực hiện Điều 1, Quyết định số 114/2001/QĐ-TTG ngày 31/7/2001 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 210/1999/QĐ-TTG ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối ngoại với người Việt Nam ở nước ngoài

**47. Thủ tục cấp giấy xác nhận ưu đãi cho người Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-085440-TT**

47.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bãi bỏ thủ tục hành chính này và các mẫu đơn, tờ khai, yêu cầu điều kiện kèm theo.

**Lý do:**

Mục tiêu đặt ra đối với thủ tục hành chính này không cần thiết nữa vì:

- Mục đích dành cho người được cấp giấy xác nhận ưu đãi được hưởng giá các loại dịch vụ, giá vé đi lại trên các phương tiện giao thông như công dân trong nước. Tuy nhiên hiện nay không còn chế độ hai giá phân biệt giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài nên không cần thiết phải có giấy xác nhận này.

- Người Việt Nam định cư ở nước ngoài có thể xin cấp giấy miễn thị thực (có giá trị 5 năm) thuận tiện hơn việc xin giấy xác nhận ưu đãi (có giá trị 3 năm) để được hưởng miễn phí cấp thị thực

#### 47.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Thông tư số 2461/2001/TT-BNG ngày 05/10/2001 Hướng dẫn thực hiện Điều 1, Quyết định số 114/2001/QĐ-TTG ngày 31/7/2001 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 210/1999/QĐ-TTG ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối ngoại với người Việt Nam ở nước ngoài.